TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H TP.H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:14/2020/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 21 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2020/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Vũ Thị H** – sinh năm 1978

Bị đơn: **Anh Trần Dản C (tức Trần Hữu Q)**- sinh năm 1980

HKTT và trú tại: Số 9/169 phố M, phường M, quận H, Tp.H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 2 Điều 149 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Khoản 1 Điều 36, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vũ Thị H – sinh năm 1978

Anh Trần Dản C (tức Trần Hữu Q) – sinh năm 1980

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Vũ Thị H và anh Trần Dản C (tức Trần Hữu Q) cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung:

Vũ Trần Đan V, sinh ngày 25/09/2007

Khi ly hôn giao 01 con chung cho anh C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng kể từ quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

2.3. Về cấp dưỡng:

Hai bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2.4. Về tài sản chung, nhà ở chung:

Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2.5. Về công nợ chung:

Hai bên xác nhận không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét

2.6. Về lệ phí: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn chị Hằng đã nộp tại biên lai số AA/2017/000xxx ngày 02 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường M, quận H, TP.H
(Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 08/08/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM XUÂN THỦY